

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 4 - 2023.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình
- ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật.
2. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 300/2022/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:

Vào năm 1989, bà Võ Thị L và ông Nguyễn Văn T do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, ông T

không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau nhưng không thành. Hiện tại cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên ông bà đã ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Vì vậy, bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoài N (nam), sinh ngày 14/02/1991 và Nguyễn Quốc Th (nam), sinh ngày: 17/5/1996. Các con đã trưởng thành và đã có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông T để tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T. Ông T cũng không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa ông T trình bày: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông T cho rằng bà L có quan hệ với người đàn ông khác nên xin ly hôn với ông. Nay ông còn thương bà L nên không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu được đoàn tụ. Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Võ Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn”. Bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 3, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên căn cứ theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông bà không được xem là hợp pháp. Trong thời gian sống chung ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L cho rằng cuộc sống hôn nhân của ông bà không thể tiếp tục được nữa nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Bà L và ông T đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay nhưng không thể hàn gắn lại được. Từ đó cho thấy quan hệ tình cảm giữa bà L và ông T thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, ông bà không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà bà L yêu cầu xin ly hôn với ông T phù hợp. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 thì bà L và ông T không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận bà L và ông T là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Các con chung của bà L và ông T đã trưởng thành nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), đã nộp xong.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị L và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Hoài Nam (nam), sinh ngày 14/02/1991 và Nguyễn Quốc Thái (nam), sinh ngày: 17/5/1996. Các con đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị L phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo lai thu số 0006700 ngày 01/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Thới Phần